

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC - HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

HÀ NỘI - 2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC - HOẠT ĐỘNG

CỦA CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

HÀ NỘI - 2018

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên nhất trí thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2003 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.

Bản điều lệ đã được chỉnh sửa lần thứ nhất tại Đại hội cổ đông bất thường Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên ngày 20 tháng 8 năm 2005.

Chỉnh sửa lần thứ hai tại Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên ngày 27 tháng 1 năm 2007.

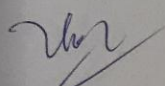
Chỉnh sửa lần thứ ba tại Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên ngày 17 tháng 4 năm 2008.

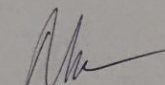
Chỉnh sửa lần thứ tư tại Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên nhiệm kỳ 2012 - 2016 được tổ chức ngày 14 tháng 6 năm 2012.

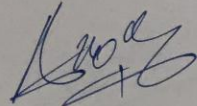
Chỉnh sửa lần thứ năm tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên được tổ chức ngày 20 tháng 4 năm 2015.

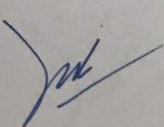
Chỉnh sửa lần thứ sáu tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên được tổ chức ngày 10 tháng 05 năm 2016.

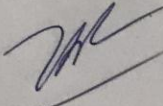
Chỉnh sửa lần thứ bảy theo Nghị quyết số 08/NQ - Đại hội đồng cổ đông ngày 30/05/2018; Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 26/11/2018.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

CHƯƠNG I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Các thuật ngữ trong Điều lệ.

Trừ trường hợp điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

a. “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm Pháp luật được ban hành ngày 12 tháng 11 năm 1996.

b. “Luật Doanh nghiệp” là Luật số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015.

c. “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên.

d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

e. “Vốn điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

f. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

g. “Đại hội đồng cổ đông” có nghĩa là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty.

h. “Hội đồng quản trị” viết tắt là “HĐQT” có nghĩa là: Hội đồng quản trị của Công ty.

i. “Ban kiểm soát” viết tắt là “BKS” có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty.

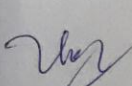
j. “Cán bộ quản lý quan trọng khác” có nghĩa là Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán Trưởng Công ty.

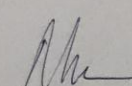
k. “Những người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ các cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

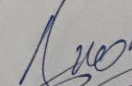
l. “Cổ phần phổ thông” là cổ phần thông thường do Công ty phát hành.

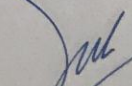
m. Cổ phiếu: Là chứng chỉ do Công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu hoặc một số cổ phần của Công ty.

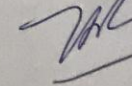
n. Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác, bằng cổ phần của Công ty từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật ; đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

của pháp luật và điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

o. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản thay thế của điều khoản hoặc văn bản khác.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Trừ trường hợp điều khoản cụ thể của Điều lệ có quy định khác, các từ và thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2: Tên Công ty, trụ sở và phạm vi hoạt động.

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN.

Tên giao dịch đối ngoại: Long Biên Joint - Stock Company

Tên viết tắt: Long Biên JSC.



Logo của Công ty:

2. Trụ sở:

- Trụ sở chính của Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên tại Số 561 Đường Nguyễn Văn Linh - Phường Sài Đồng - Quận Long Biên - Hà Nội.

- Điện thoại: 38.750 728 - 38.753 589 * Fax: 38.750 729

- Email: tmdtlongbien@haprogroup.vn

- Website: haprolongbien.vn

3. Phạm vi hoạt động:

Công ty hoạt động trên toàn bộ lãnh thổ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Công ty là Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân đầy đủ phù hợp với pháp luật Việt Nam.

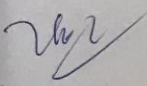
Điều 3: Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh sản xuất.

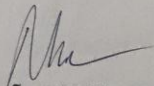
1. Mục tiêu:

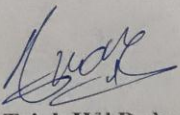
Công ty được thành lập nhằm mục tiêu:

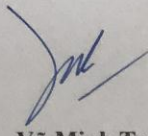
- Không ngừng nâng cao lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

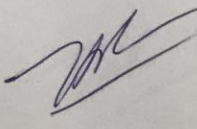
- Tăng tích lũy, phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

- Góp phần vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, chế biến thực phẩm;
- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các Cửa hàng chuyên doanh. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng như: hàng công nghệ phẩm, nông lâm sản, thực phẩm, bách hoá, kim khí điện máy, xăng dầu, ga, vật liệu chất đốt, hàng vải sợi may mặc, thủ công mỹ nghệ, vật tư thiết bị xây dựng, xe máy, ô tô;
- Cung cấp dịch vụ du lịch, lữ hành, khách sạn, nhà hàng, đại lý bán vé máy bay, tắm hơi, vật lý trị liệu, vui chơi giải trí, thẩm mỹ;
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà ở, văn phòng;
- Đại lý, ký gửi, uỷ thác hàng hoá;
- Sản xuất hàng may mặc, hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất chế biến các loại đồ uống có ga, không có ga, bia, rượu;
- Đầu tư xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Buôn bán rượu, bia, nước giải khát, thuốc lá điếu (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Đại lý, kinh doanh sách giáo khoa, các xuất bản phẩm văn hoá được phép lưu hành;
- Đại lý, kinh doanh băng đĩa nhạc (Trừ các loại băng đĩa nhạc Nhà nước cấm);
- Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet;
- Dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar).
- Ngoài ra Công ty có thể tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và phù hợp với điều lệ và khả năng của Doanh nghiệp.

Điều 4: Nguyên tắc tổ chức và hoạt động.

1. Công ty tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
2. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm. Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Nguyễn Thị Bích Lựu

Nguyễn Thị Phương

Trịnh Hải Đường

Vũ Minh Tuấn

Hoàng Thị Anh

4. Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 5: Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty.

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và các qui định của Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty được thành lập và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ và pháp luật quy định.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 6: Vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ của Công ty là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại được đăng ký mua và đã được các cổ đông thanh toán đủ cho Công ty; đơn vị thanh toán bằng Đồng Việt Nam.

2. Vốn Điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 đồng (Mười năm tỷ đồng), được chia thành 1.500.000 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 Đồng Việt Nam.

3. Vốn điều lệ được điều chỉnh tăng sau khi thực hiện xong các đợt phát hành cổ phần mới theo pháp luật hiện hành và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7: Quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty.

1. Người quản lý phần vốn của Nhà nước trong Công ty do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cử.

2. Người quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8: Loại cổ phần.

Cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông

Điều 9: Chào bán cổ phần.

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.

Nguyễn Thị Bích Lựu

Nguyễn Thị Phương

Trịnh Hải Đường

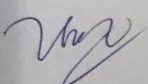
Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

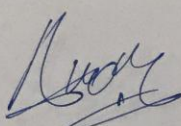
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
 - b. Chào bán ra công chúng;
3. Việc chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu thực hiện theo Điều 124 Luật Doanh nghiệp.
4. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
5. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của Công ty tại thời điểm gần nhất; trừ những trường hợp sau đây:
 - Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập
 - Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty
 - Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
 - Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ Công ty quy định.
 - Trường hợp cổ đông hiện hữu được mua theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ, được thực hiện theo Điều 124 Luật Doanh nghiệp.
6. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

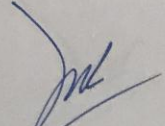
Điều 10: Chuyển nhượng cổ phần; thừa kế cổ phần.

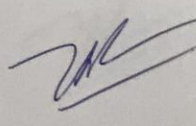
1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp.
2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.
4. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

6. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 11: Mua cổ phần, trái phiếu.

1. Mua cổ phần, trái phiếu.

Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

2. Phát hành trái phiếu.

2.1. Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

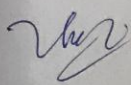
2.2. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật và chứng khoán có quy định khác.

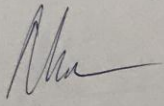
2.3. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.

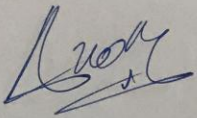
2.4. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

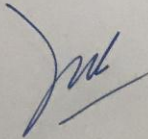
2.5. Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

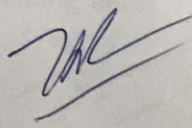
Điều 12: Cổ đông.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

1. Là cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện theo qui định của Luật pháp Việt nam và Điều lệ Công ty mua cổ phần của Công ty phát hành, ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

2. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông theo Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

Điều 13: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

1. Cổ đông có các quyền sau đây:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp;

đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;

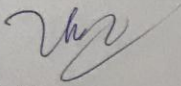
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có các quyền sau đây:

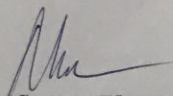
a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

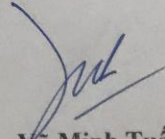
c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này;

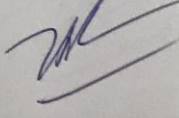
d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

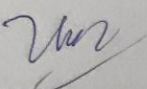
Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

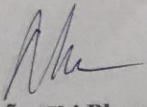
4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định, tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

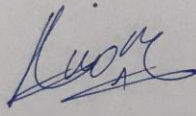
a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

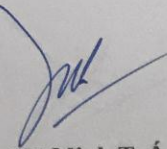
b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

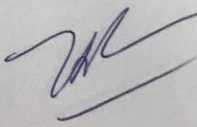
5. Nghĩa vụ của cổ đông .


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

a. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

b. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.

c. Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

d. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14: Thẩm quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

b. Thông qua định hướng phát triển Công ty; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty:

c. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

d. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

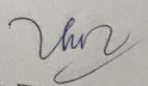
đ. Quy định mức thù lao và tiền thưởng (phạt) cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

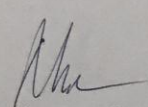
e. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.

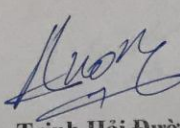
g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

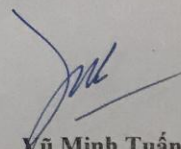
h. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

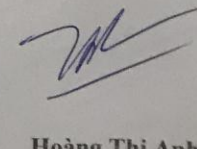
Điều 15: Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;

đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay

Nguyễn Thị Bích Lựu

Nguyễn Thị Phương

Trịnh Hải Đường

Vũ Minh Tuấn

Hoàng Thị Anh

thể Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

8. Người triệu tập họp phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp; dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên; các công việc khác phục vụ cuộc họp.

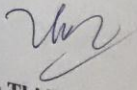
9. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3,4,5,6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

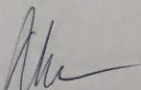
Điều 16: Quyền dự họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông.

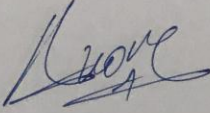
1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

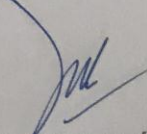
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

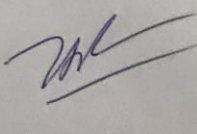
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

5. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

c. Phiếu biểu quyết.

7. Việc gửi tài liệu gửi đến cổ đông theo khoản 6 Điều này được gửi trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 17: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

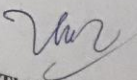
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.


3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

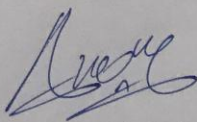
a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

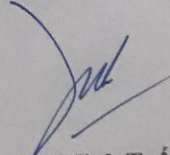
b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

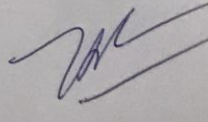
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, thư điện tử.

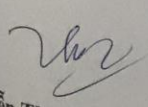
Điều 19: Điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông.

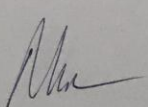
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.

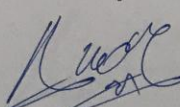
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự kiến họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.

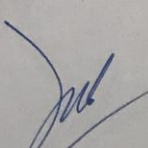
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

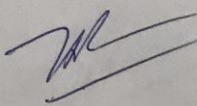
4. Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

a. Cổ đông phải đăng ký dự họp trước khi khai mạc Đại hội. Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm kiểm tra và xác nhận cổ đông tham dự.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền hợp lệ của Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ toạ Đại hội.

c. Chủ toạ thông qua Đại hội đồng cổ đông bầu thư ký và Ban kiểm phiếu (nếu có). Diễn biến Đại hội phải được ghi chép vào sổ biên bản có chữ ký của Chủ toạ, Thư ký và Trưởng ban kiểm phiếu (nếu có)

d. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo Thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 20: Điều kiện để Nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, cụ thể:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

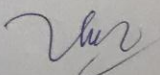
c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

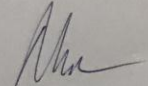
d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;

đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;

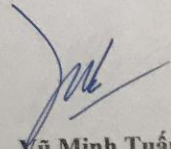
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

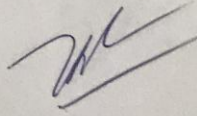
3. Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua trên trang thông tin điện tử của Công ty.

6. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 145 của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21: Cơ cấu Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Hội đồng quản trị của Công ty là 05 người, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 03 Ủy viên.

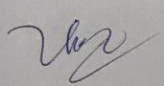
4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty sẽ quyết định cử người tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát, có trách nhiệm trực tiếp quản lý phần vốn của Nhà nước.

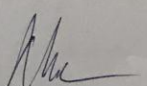
Điều 22: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.

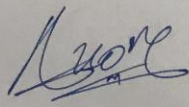
1. Có hành vi dân sự đầy đủ không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.

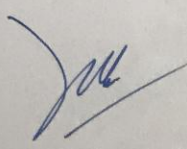
2. Là cổ đông của Công ty sở hữu ít nhất 5% vốn điều lệ hoặc người đại diện nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, hiểu biết pháp luật, năng lực điều hành kinh doanh sản xuất tổ chức quản lý doanh nghiệp.

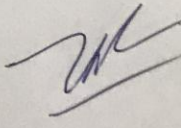
Điều 23: Quyền hạn của Hội đồng quản trị.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại.

c. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc Điều lệ này.

d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.

đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán Trưởng. Quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

e. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh của Công ty.

g. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập hoặc giải thể Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

h. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông

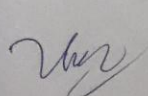
i. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

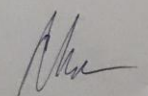
k. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

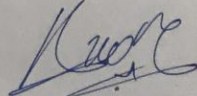
l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định

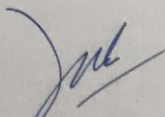
m. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.

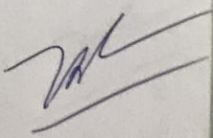
n. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.


Nguyễn Thị Bích L...


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

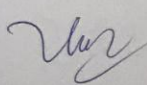
kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua khi có đa số các thành viên biểu quyết tán thành. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết ngang nhau thì phía có Chủ tịch Hội đồng Quản trị biểu quyết được thông qua.

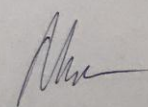
4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

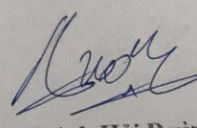
Điều 24: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

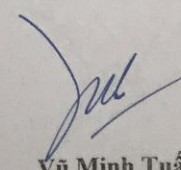
1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch HĐQT trong số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm Giám đốc Công ty.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới hình thức thông tin khác
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị
 - đ. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Phó chủ tịch HĐQT thay thế, hoặc thành viên được Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền, thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, theo nguyên tắc đa số.

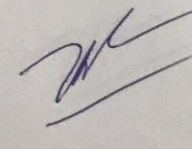
Điều 25: Cuộc họp của Hội đồng quản trị.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

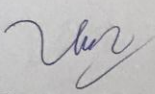
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

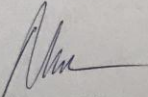
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

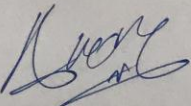
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

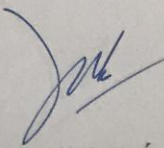
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

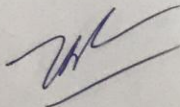
Điều 26: Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản; biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 27: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Định kỳ hoặc trong những trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, cán bộ quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Cán bộ quản lý được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng quản trị

Điều 28: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này.

b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

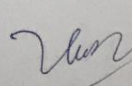
c. Có đơn từ chức;

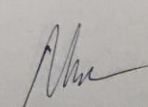
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

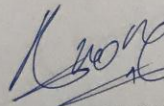
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

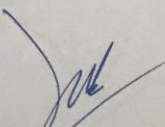
4. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

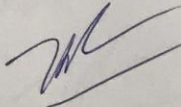
Điều 29: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thù lao và tiền thưởng hàng năm của HĐQT. Mức tiền thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh sản xuất của Công ty.
2. Thù lao và mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty theo quy định của Pháp luật và Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

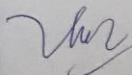
CHƯƠNG V GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

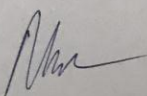
Điều 30: Giám đốc.

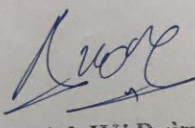
1. Giám đốc do Hội đồng quản trị tuyển chọn, bổ nhiệm và bãi nhiệm, là người trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
2. Giám đốc là cổ đông của Công ty được ít nhất 2/3 số thành viên trong Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
 - c. Có khả năng trong công tác lãnh đạo, quản lý, kinh doanh sản xuất và hoạt động chính trị, xã hội.
 - d. Không đồng thời làm Giám đốc ở các Tổ chức kinh tế khác
4. Nhiệm kỳ Giám đốc là 5 năm, có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

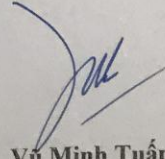
Điều 31: Giám đốc có quyền hạn, nhiệm vụ và quyền lợi sau.

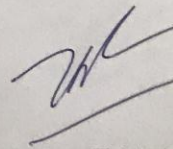
1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc Công ty.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

d. Được quyền ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty, các hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 20% giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

đ. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;

e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

h. Tuyển dụng lao động;

i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 32: Trách nhiệm của người quản lý Công ty.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

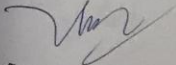
b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

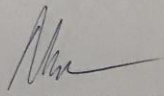
c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

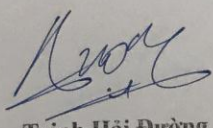
d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

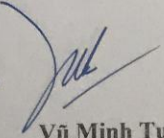
2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

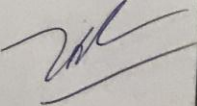
Điều 33: Hợp đồng giao dịch phải phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

1. Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a. Cổ đông, người đại diện được uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- b. Thành viên HĐQT, Giám đốc và những người liên quan của họ;
- c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của luật doanh nghiệp và người có liên quan đến thành viên HĐQT, Giám đốc.

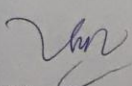
2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% trừ trường hợp quy định tại mục d khoản 3 Điều 31 của Điều lệ này tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

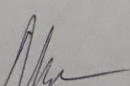
3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết, hợp đồng giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

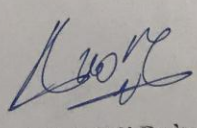
4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo khoản 2 và khoản 3 điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoặc hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng giao dịch đó.

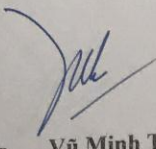
Điều 34: Uỷ quyền, uỷ nhiệm.

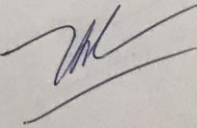
1. Giám đốc có thể uỷ quyền, hoặc uỷ nhiệm cho Phó giám đốc hoặc những người có chức danh quản lý khác trong Công ty thay mặt mình giải quyết một số công việc hoặc thay mặt mình thi hành một số nhiệm vụ của Công ty bằng văn bản, nhưng Giám đốc phải chịu trách nhiệm pháp lý trước sự uỷ quyền, uỷ nhiệm đó


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

2. Những người được Giám đốc uỷ quyền, uỷ nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về việc mình làm.

CHƯƠNG VI BAN KIỂM SOÁT

Điều 35: Cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện của Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát phải được Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp theo hình thức dồn phiếu tại Đại hội. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát trùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

2. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

5. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

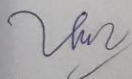
b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý quan trọng khác;

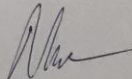
c. Không được giữ các chức vụ quản lý quan trọng khác trong công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

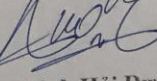
Điều 36: Quyền hạn, nhiệm vụ và quyền lợi của Ban kiểm soát.

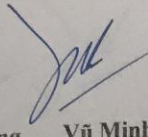
1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

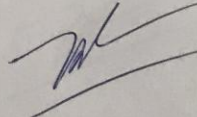
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

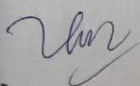
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

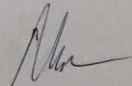
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

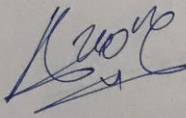
9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

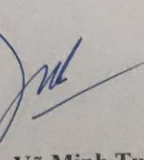
10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

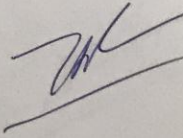
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

12. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao hằng năm của Ban kiểm soát;

13. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý.

14. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 37: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

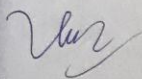
4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

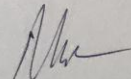
5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

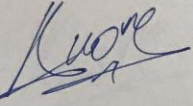
Điều 38: Trách nhiệm thành viên Ban kiểm soát; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

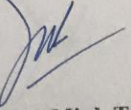
1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

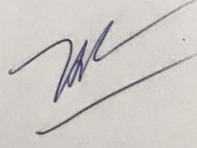
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được phải hoàn trả cho công ty.

5. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Thành viên Ban kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát viên theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

7. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

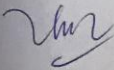
c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

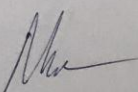
CHƯƠNG VII LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

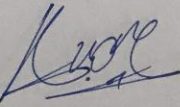
Điều 39: Lao động.

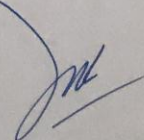
Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ luật lao động và nội dung chế độ hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc và người lao động.

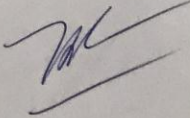
Điều 40: Tuyển dụng lao động.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

1. Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, cho thôi việc theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với Bộ Luật lao động

2. Trong quá trình hoạt động, xét thấy cần bổ sung lao động, Công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và có khả năng hoàn thành công việc mà Công ty cần theo quy chế tuyển dụng và thoả ước lao động tập thể.

3. Ưu tiên tuyển chọn con em cổ đông của Công ty nhưng phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn đề ra.

Điều 41: Tiền lương.

Tiền lương và các khoản tiền thưởng đối với người lao động căn cứ vào hợp đồng lao động, kết quả công việc cụ thể của từng người, từng bộ phận, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và theo đúng quy chế trả lương của Công ty.

Điều 42: Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động.

1. Người lao động trong Công ty được hưởng quyền lợi theo quy định của Bản điều lệ này, và bản thoả ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty. Người lao động được thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế theo quy định của Bộ luật lao động.

2. Người lao động phải chấp hành đầy đủ Điều lệ, nội quy lao động của Công ty và pháp luật của Nhà nước. Ai vi phạm, Công ty có quyền thi hành kỷ luật, quy trách nhiệm về vật chất, phạt tiền, đền bù tài sản hoặc buộc thôi việc tùy theo mức độ vi phạm, làm thiệt hại về uy tín, kinh tế của Công ty theo quy định của Bộ Luật lao động.

CHƯƠNG VIII

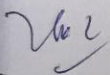
TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

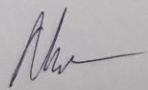
Điều 43: Năm tài chính.

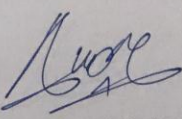
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

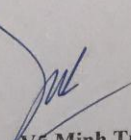
Điều 44: Quyết toán và kế hoạch tài chính.

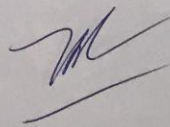
1. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các Báo cáo tài chính và trình Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát xem xét.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

2. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội cổ đông các Báo cáo tài chính của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong trường hợp thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Đơn vị kiểm toán và sau khi kết thúc mỗi năm tài chính. Đơn vị kiểm toán kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình Hội đồng quản trị trong vòng 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 45: Thể lệ kế toán.

Thể lệ kế toán căn cứ vào Pháp lệnh Thống kê - Kế toán của Việt Nam và quy định hiện hành của Bộ tài chính

Điều 46: Phân phối lợi nhuận.

Việc lập quỹ và phân bổ lợi nhuận phải phù hợp với quy định của pháp luật về tài chính và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định.

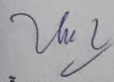
Điều 47: Phân chia lợi tức cổ phần, trả cổ tức.

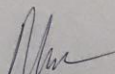
Lợi tức cổ phần được chia một lần vào cuối năm tài chính, căn cứ vào quyết toán được duyệt và được công bố công khai. Có thể thanh toán bằng tiền hoặc bằng cổ phần của Công ty, việc thanh toán bằng tiền có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Nếu Công ty chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

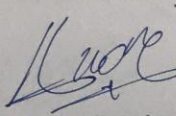
Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

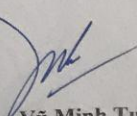
Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

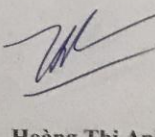
- Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty.


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

- Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân.

- Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức.

- Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận.

- Thời điểm và phương thức trả cổ tức. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình sau ngày chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và trước thời điểm chi trả cổ tức thì người chuyển nhượng cổ phần được nhận cổ tức từ Công ty.

Điều 48: Xử lý kinh doanh sản xuất khi thua lỗ.

Trường hợp Công ty kinh doanh sản xuất thua lỗ, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo.

Điều 49: Giải quyết tranh chấp.

1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật, với mọi cá nhân, tổ chức khi có tố tụng, tranh chấp.

2. Các thành viên trong Công ty có các hành vi vi phạm Điều lệ Công ty đều bị xử lý; Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm người có hành vi vi phạm các quy định của Điều lệ bị xử lý kỷ luật, bị xử phạt hành chính hoặc chuyển đến toà án các cấp xét xử theo pháp luật.

CHƯƠNG IX

GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN


Điều 50: Giải thể.

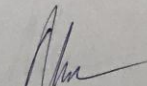
Công ty chỉ giải thể trong các trường hợp sau:


1. Mục tiêu của Công ty không thể thực hiện được nữa hoặc không có lợi.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể, tách ra hoặc sát nhập.
3. Quyết định của Toà án đình chỉ hoạt động.


Điều 51: Thanh lý tài sản khi Công ty giải thể.

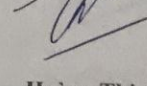
1. Khi Công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo pháp luật hiện hành


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh

2. Xử lý tài sản khi Công ty giải thể.
Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản Công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a. Hoàn trả các khoản tiền lương, bảo hiểm xã hội mà Công ty còn nợ người lao động.
- b. Trang trải các khoản nợ ngân sách nhà nước theo chế độ hiện hành
- c. Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty có thể chấp.
- d. Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ Công ty không thể chấp.
- đ. Phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần

Điều 52: Phá sản doanh nghiệp.

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp.

**CHƯƠNG X
NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC**

Điều 53: Con dấu.

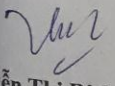
1. Con dấu của Công ty đang sử dụng được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, đã được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.
3. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của Công ty theo quy định tại Điều 44 của Luật Doanh nghiệp.

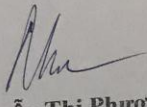
Điều 54: Tuân thủ pháp luật.

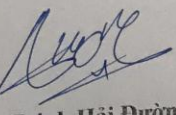
Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này và những nội dung không phù hợp với Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật hiện hành sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

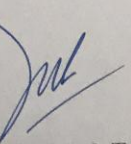
Điều 55: Đăng ký Điều lệ.

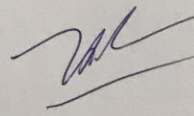
Bản Điều lệ này gồm 10 Chương (Mười chương) 55 Điều (Năm mươi năm điều) được phiên họp Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn



Hoàng Thị Anh

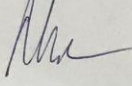
Biên thông qua ngày 10 tháng 05 năm 2016; sửa đổi theo Nghị quyết số 08/NQ Đại hội đồng cổ đông ngày 30/05/2018; Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 26/11/2018; được lưu trong hồ sơ tại trụ sở Công ty cổ phần Thương mại - Đầu tư Long Biên và có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2018.

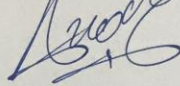
Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2018

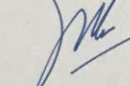
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ LONG BIÊN

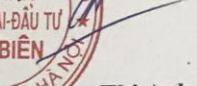
CÁC ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY


Nguyễn Thị Bích Lựu


Nguyễn Thị Phương


Trịnh Hải Đường


Vũ Minh Tuấn


Hoàng Thị Anh



CHỦ TỊCH HĐQT